TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/DS-PT
Ngày 12- 02 -2025
V/v "Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho QSD đất và tranh chấp xác định QSD đất là tài sản chung hộ gia đình để yêu cầu thi hành án."

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Mến

Ông Huỳnh Đắc Đương

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Bà Trần Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 326/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tranh chấp xác định quyền sử dụng đất là tài sản chung hộ gia đình để yêu cầu thi hành án".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 133/2024/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp S, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

Người đại diện ủy quyền của anh H: Anh Trần Thanh P, sinh năm 1997; Địa chỉ: số E, Trần Hoàng N, A, N, Cần Thơ (có mặt)

- Bị đơn:

1. Chị Thạch Thị Diễm L, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

2. Anh Thạch T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Chị Thạch Thị Ngọc H1, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Bà Trần Thị P1, sinh năm 1961; Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Văn phòng C; Địa chỉ: Khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư tỉnh T, phòng G. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Anh Thạch T1, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Anh Lê Nhàn H2, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn H là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/9/2020 anh H có cho chị Thạch Thị Diễm L với anh Lê Nhàn H2 vay số tiền vốn bằng 585.500.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, quá thời hạn vay vợ chồng chị L không trả được nợ nên tháng 11 năm 2022 anh H2 đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần và được ghi nhận bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 115/2023/QĐST-DS ngày 24/7/2023 buộc vợ chồng chị L trả cho anh H2 tiền vốn vay bằng 585.000.000 đồng (Anh H2 tự nguyện bớt 500.000 đồng).

Sau khi có quyết công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, anh H2 có đơn yêu cầu Thi hành án, ngày 23/10/2023 Thi hành án dân sự huyện T ra Quyết định số: 84/QĐ-CCTHADS để thi hành Quyết định số: 115/2023/QĐST-DS, ngày 24/7/2023. Tại giai đoạn Thi hành án anh H2 phát hiện hộ chị L có đứng tên thửa đất số 700, tờ bản đồ số 02, diện tích 9.830m^2, tại xã H, huyện T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 330883 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp vào ngày 30/10/2001.

Đối với thửa đất số 700 vào ngày 12/9/2022 chị L đã ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị P1 (là mẹ ruột), hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 2765, quyền số số 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGD. Anh H2 cho rằng việc hộ chị L ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nhằm trốn tránh nghĩa vụ thanh toán khoản nợ vay cho anh H2. Đối với số tiền vốn vay tháng 9 năm 2022 anh H2 nhiều lần yêu cầu vợ chồng chị L trả nợ, nhưng mọi người xin kéo dài thời gian, hứa sẽ tìm cách để trả tiền cho anh H2, vì quá tin

tưởng vợ chồng chị L nên anh H2 đồng ý cho gia hạn, trong thời gian gia hạn chị L đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tại thửa đất số 700 cho bà Trần Thị P1 (là mẹ ruột) nhằm tẩu tán tài sản để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm quyền, lợi của anh H2 tại giai đoạn thi hành án.

Quá trình giải quyết anh H2 thống nhất hộ gia đình của chị L tại thời điểm cấp thửa đất 700 gồm 04 người: Chị Thạch Thị Diễm L, bà Trần Thị P1, anh Thạch T và chị Thạch Thị Ngọc H1. Qua sơ đo đạc anh H2 thống nhất thửa đất 700 được chia thành 04 phần (A, B, C, D), anh H2 vẫn giữ yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất để xác định 01 phần diện tích của chị L nằm trong thửa đất số 700 để anh H2 yêu cầu Thi hành án, 03 phần diện tích còn lại anh H2 không có ý kiến.

Nay đại diện cho anh Nguyễn Văn H yêu cầu:

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được xác lập ngày 12/9/2022 giữa chị Thạch Thị Diễm L với bà Trần Thị P1 được công chứng tại Văn phòng C có số công chứng 2765, quyển sổ 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGĐ vô hiệu do giả tạo.

- Xác định phần tài sản của chị Thạch Thị Diễm L trong thửa đất số 700, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh để anh H yêu cầu Thi hành án theo Quyết định số 115/2023/QĐST-DS ngày 24/7/2023 của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết chị Thạch Thị Diễm L có ý kiến trình bày: Năm 2020 vợ chồng chị có nợ anh Nguyễn Văn H tiền vốn vay bằng 585.500.000 đồng, sau đó anh H khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần công nhận bằng Quyết định số: 115/2023/QĐST-DS, ngày 24/7/2023 buộc vợ chồng chị trả cho anh H bằng 585.000.000 đồng.

Chị là con ruột của bà Trần Thị P1 là chị của Thạch Thị Ngọc H1 và Thạch T, thửa đất số 700, tọa lạc tại ấp T, xã H cho hộ D đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S330883 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 30/10/2001, thửa đất này là của ông, bà nội cho chung hộ gia đình, lúc cho đất cha chị chết rồi, nên hộ gia đình chị thống nhất để cho chị đứng tên thửa đất số 700, ngày 12/9/2022 hộ gia đình chị thống nhất lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 700 qua tên mẹ chị, hợp đồng đã được công chứng hợp pháp đúng quy định, diện tích đất do anh T canh tác đến nay, đất trồng lúa, không có tài sản.

Chị thống nhất thửa đất số 700 cấp cho hộ chị tại thời điểm cấp đất gồm 04 người: Chị Thạch Thị Diễm L, bà Trần Thị P1, anh Thạch T và chị Thạch Thị Ngọc H1, thửa đất số 700 không liên quan đến chồng chị là anh Lê Nhàn H2. Qua kết quả đo đạc chị thống nhất thửa đất số 700 được chia thành 04 phần (A, B, C, D), gia đình không tranh chấp để giải quyết sau.

Qua yêu cầu khởi kiện của anh H2 chị không đồng ý hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được xác lập ngày 12/9/2022 giữa chị Thạch Thị Diễm L với bà Trần Thị P1 được công chứng tại Văn phòng C, hiện tại thửa đất số 700 cấp cho bà Trần Thị P1 là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết bà Trần Thị P1 có ý kiến trình bày: Bà là mẹ ruột của chị Thạch Thị Diễm L, thửa đất số 700, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã H cho hộ D đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S330883 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 30/10/2001, thửa đất này là của bên chồng bà cho chung hộ gia đình, lúc cho đất chồng bà chết rồi, các con của bà là chị Thạch Thị Ngọc H1 và anh Thạch T còn nhỏ nên gia đình thống nhất để cho chị Diễm L đại diện hộ đứng tên thửa đất số 700.

Trong thời gian sống chung chị Diễm L có thiếu vàng bà, chị H1 và anh T nên chị Diễm L thống nhất ký tên phần diện tích của chị L được hưởng nằm trong thửa đất số 700 qua cho bà để trừ nợ và tách diện tích đất của chị H1, anh T cho mọi người đứng tên riêng luôn, do thủ tục tách thửa đất khó khăn, nên gia đình thống nhất lập hợp đồng tặng cho trọn thửa đất số 700 từ hộ chị L qua tên của bà, bà đứng tên thửa đất số 700 có luôn phần tích đất của anh T và chị H1, diện tích đất gia đình thống nhất để anh T canh tác đến nay, trên đất không có tài sản, đất trồng lúa.

Vợ chồng chị Diễm L thiếu tiền anh H2 đã được Tòa án ghi nhận bằng quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương số: 115/2023/QĐST-DS, ngày 24/7/2023, nợ của vợ chồng chị Diễm L không liên quan đến bà.

Bà thống nhất thửa đất số 700 cấp cho hộ chị Diễm L tại thời điểm cấp đất gồm 04 người: Chị Thạch Thị Diễm L, bà Trần Thị P1, anh Thạch T và chị Thạch Thị Ngọc H1, thửa đất số 700 không liên quan đến chồng chị L là anh Lê Nhàn H2. Qua kết quả đo đạc bà thống nhất thửa đất số 700 được chia thành 04 phần (A, B, C, D), thống nhất phần diện tích 2.515,8m^2 (phần A) là của chị Diễm L. Các phần diện tích còn lại là của bà, chị H1 và anh T. Do sơ đồ đất có dính ranh các chủ khác, bà không tranh chấp để gia đình giải quyết sau.

Qua yêu cầu khởi kiện của anh H2 bà không đồng ý hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được xác lập ngày 12/9/2022 giữa chị Thạch Thị Diễm L với bà Trần Thị P1 được công chứng tại Văn phòng C, hiện tại thửa đất số 700 cấp cho bà là hợp pháp.

Bà không có tranh chấp thửa đất số 700 chung vụ kiện này, để gia đình giải quyết sau, bà cũng không có tranh chấp ranh đất với hộ liền kề.

Trong quá trình giải quyết chị Thạch Thị Ngọc H1 có ý kiến trình bày: Chị là em ruột của chị Thạch Thị Diễm L, thửa đất số 700, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện T cấp cho hộ chị Diễm L được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S330883 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 30/10/2001 là của ông bà nội cho chung hộ gia đình, lúc cho đất cha chị đã chết rồi, gia đình thống nhất để cho chị Diễm L đại diện hộ gia đình đứng tên thửa đất số 700.

Trong thời gian sống chung chị Diễm L có thiếu vàng bà P1, anh T và chị, không có làm giấy tờ, cho nên chị Diễm L thống nhất ký tên phần diện tích đất của chị L nằm trong thửa đất số 700 cho bà P1 và đồng ý tách quyền sử dụng đất phần diện tích của chị với anh T ra cho mọi người luôn, do thủ tục tách thửa đất khó khăn (chị là giáo viên không được đứng tên đất ruộng), nên gia đình thống

nhất lập hợp đồng tặng cho trọn thửa đất số 700 qua tên bà Trần Thị P1 (là mẹ), mọi người cũng có thỏa thuận riêng để bà P1 đứng thửa đất số 700 có luôn phần diện tích đất của chị và anh T. Thửa đất gia đình để cho anh T là người canh tác đến nay, đất trồng lúa không có tài sản.

Vợ chồng chị Diễm L thiếu tiền anh H2 đã được Tòa án ghi nhận bằng quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương số: 115/2023/QĐST-DS, ngày 24/7/2023, nợ của vợ chồng chị Diễm L không liên quan đến chị.

Chị thống nhất thửa đất số 700 cấp cho hộ chị Diễm L tại thời điểm cấp đất gồm có 04 người: Chị Thạch Thị Diễm L, bà Trần Thị P1, anh Thạch T và chị Thạch Thị Ngọc H1, thửa đất số 700 không liên quan đến chồng chị L là anh Lê Nhàn H2. Qua kết quả đo đạc thửa đất số 700 được chia thành 04 phần (A, B, C, D) chị thống nhất chia cho chị L diện tích 2.515,8m^2 (phần A). Các phần diện tích còn lại là của chị, bà P1 và anh T. Do sơ đồ đất có dính ranh đất với các chủ khác, gia đình không tranh chấp để giải quyết sau.

Qua yêu cầu khởi kiện của anh H2, chị không đồng ý hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được xác lập ngày 12/9/2022 giữa chị Thạch Thị Diễm L với bà Trần Thị P1 được công chứng tại Văn phòng C có số công chứng 2765, quyển số 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGĐ, hiện tại thửa đất số 700 cấp cho bà Trần Thị P1 là hợp pháp.

Chị không có tranh chấp thửa đất số 700 chung vụ kiện này, để gia đình giải quyết sau, ngoài ra chị cũng không có tranh chấp gì khác.

Trong quá trình giải quyết anh Thạch T có ý kiến trình bày: Anh là em ruột của chị Thạch Thị Diễm L, thửa đất số 700, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện T cấp cho hộ chị Thạch Thị Diễm L được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S330883 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 30/10/2001 là của ông bà nội cho chung hộ gia đình, lúc cho đất cha anh đã chết rồi, gia đình thống nhất để cho chị Diễm L đại diện hộ gia đình đứng tên thửa đất số 700, thửa đất anh đang canh đến nay, trên đất không có tài sản, đất trồng lúa.

Trong thời gian sống chung chị Diễm L có thiếu vàng bà P1, anh T và chị H1, không có làm giấy tờ, cho nên chị Diễm L thống nhất ký tên phần diện tích đất của chị L nằm trong thửa đất số 700 cho bà P1 và đồng ý tách quyền sử dụng đất phần diện tích của anh với chị H1 ra cho mọi người luôn, do thủ tục tách thửa đất khó khăn (chị H1 là giáo viên không được đứng tên đất ruộng), nên gia đình thống nhất lập hợp đồng tặng cho trọn thửa đất số 700 qua tên bà Trần Thị P1, mọi người cũng có thỏa thuận riêng để bà P1 đứng thửa đất số 700 có luôn phần diện tích đất của anh với chị H1.

Vợ chồng chị Diễm L thiếu tiền anh H2 đã được Tòa án ghi nhận bằng quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương số: 115/2023/QĐST-DS, ngày 24/7/2023, nợ của vợ chồng chị Diễm L không liên quan đến anh.

Anh thống nhất thửa đất số 700 cấp cho hộ chị Diễm L tại thời điểm cấp đất gồm có 04 người: Chị Thạch Thị Diễm L, bà Trần Thị P1, anh Thạch T và chị Thạch Thị Ngọc H1, thửa đất số 700 không liên quan đến chồng chị L là anh Lê

Nhàn H2. Qua kết quả đo đạc thửa đất số 700 được chia thành 04 phần (A, B, C, D) anh thống nhất chia cho chị L diện tích 2.515,8m^2 (phần A). Các phần diện tích còn lại là của anh, bà P1 và chị H1. Do sơ đồ đất có dính ranh đất với các chủ khác, gia đình không tranh chấp để giải quyết sau.

Qua yêu cầu khởi kiện của anh H2, anh không đồng ý hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được xác lập ngày 12/9/2022 giữa chị Thạch Thị Diễm L với bà Trần Thị P1 được công chứng tại Văn phòng C có số công chứng 2765, quyển sổ 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGĐ, hiện tại thửa đất số 700 cấp cho bà Trần Thị P1 là hợp pháp.

Anh không có tranh chấp thửa đất số 700 chung vụ kiện này, để gia đình giải quyết sau, ngoài ra anh cũng không có tranh chấp gì khác.

Ý kiến Văn phòng công chứng Võ Văn B trình bày: Ngày 12/9/2022, chị Thạch Thị Diễm L, sinh năm 1983, anh Thạch T, sinh năm 1989, chị Thạch Thị Ngọc H1, sinh năm 1987 và bà Trần Thị P1, sinh năm 1961; Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh có đến Văn phòng công chứng Võ Văn B để thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tại thửa đất số 700, tờ bản đồ số 02, tại xã H, huyện T đất cấp cho hộ bà Thạch Thị Diễm L, hợp đồng được xác lập ngày 12/9/2022 giữa chị Thạch Thị Diễm L với bà Trần Thị P1 được công chứng tại Văn phòng C có số công chứng 2765, quyển sổ 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGĐ. Nội dung hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là sự tự nguyện giao kết giữa kết bên, toàn bộ nội dung là hợp pháp phù hợp với quy định của Luật Dân sư, Luật Công chứng và các văn bản có liên quan. Do đó hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên đúng trình tự quy định.

Ý kiến của đại diện Ngân hàng trình bày: Hộ bà Trần Thị P1 đang thế chấp thửa đất số 700, tờ bản đồ số 02, tại xã H, huyện T vay vốn tại ngân hàng, hộ vay đã thanh toán đúng thời hạn theo thỏa thuận, nên ngân hàng không tham gia khởi kiện và xin vắng mặt không tham gia.

Ý kiến của anh Lê Nhàn H2 trình bày: Anh là chồng của chị Thạch Thị Diễm L, thửa đất số 700, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã H, huyện T cấp cho hộ chị Thạch Thị Diễm L được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản của bên gia đình chị L, thửa đất này không phải là tài sản chung của vợ chồng anh. Ngày 12/9/2022 chị L lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa chị Thạch Thị Diễm L với bà Trần Thị P1 (là mẹ vợ) được công chứng tại Văn phòng C là phù hợp. Anh không có tranh chấp thửa số 700 hiện nay đã cấp cho bà Trần Thị P1.

Việc tranh chấp của anh H2 với bên gia đình chị L, anh không có ý kiến để mọi người giải quyết, anh xin vắng mặt không tham gia.

Ý kiến của anh Thạch T1 trình bày: Anh có sử dụng thửa đất số 26, tờ bản đồ số 35, diện tích 6.870,2m^2 tài liệu năm 2006, tọa lạc Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh cấp cho anh đứng tên quyền sử dụng đất. Giáp ranh thửa đất của anh là thửa đất số 700 của bên gia đình anh Thạch T, đất do anh T đang đang canh tác.

Theo sơ đồ đo đạc của văn phòng đất thể hiện thửa đất số 26 của anh nằm giáp thửa đất 700 của bên gia đình anh T, anh với bên gia đình anh T không có tranh chấp ranh đất, để giải quyết sau, còn việc tranh chấp của các bên để các bên tự giải quyết, anh xin vắng mặt không tham gia.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 133/2024/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H về yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được xác lập ngày 12/9/2022 giữa chị Thạch Thị Diễm L với bà Trần Thị P1 được công chứng tại Văn phòng C có số công chứng 2765, quyển số 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGĐ và yêu cầu xác định quyền sử dụng đất của chị Thạch Thị Diễm L trong thửa đất số 700, tờ bản đồ số 02, tại ấp T, xã H, huyện T để yêu cầu Thi hành án.Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá, án phí, quyền kháng cáo, theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2024 nguyên đơn anh Nguyễn Văn H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 12/9/2022 giữ hộ bà Thạch Thị Diễm L với bà Trần Thị P1 được công chứng tại Văn phòng C số công chứng 2765, quyển số 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu do giả tạo. Yêu cầu xác định phần quyền sử dụng đất của bà Thạch Thị Diễm L trong thửa đất số 700, tờ bản đồ số 02, tại xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh do hộ bà Thạch Thị Diễm L đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S330883 được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 30/10/2001 để bà L thi hành Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 84/QĐ-CCTHADS ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần thi hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 115/2023/QĐST-DS ngày 24/7/2023 của Tòa án nhân huyện T.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Từ khi thụ lý vụ án đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như diễn biến và tranh tụng công khai tại phiên toà hôm nay. Xét thấy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Tuyên

bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 12/9/2022 giữ hộ bà Thạch Thị Diễm L với bà Trần Thị P1 được công chứng tại Văn phòng C số công chứng 2765, quyển số 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu do giả tạo; Yêu cầu xác định phần quyền sử dụng đất của bà Thạch Thị Diễm L trong thửa đất số 700, tờ bản đồ số 02, tại xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh do hộ bà Thạch Thị Diễm L đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S330883 được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 30/10/2001 để bà L thi hành Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 84/QĐ-CCTHADS ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần thi hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 115/2023/QĐST-DS ngày 24/7/2023 của Tòa án nhân huyện T là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 133/2024/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ của các đương sự và quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn anh Nguyễn Văn H kháng cáo, việc kháng cáo của đương sự còn trong hạn luật định nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào ngày 19/9/2020, anh Nguyễn Văn H có cho vợ chồng chị Thạch Thị Diễm L vay tổng cộng số tiền 585.500.000 đồng và được Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần ghi nhận bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 115/2023/QĐST-DS ngày 24/7/2023, buộc vợ chồng chị L trả cho anh H tiền vốn vay. Đối với hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa chị Thạch Thị Diễm L với bà Trần Thị P1 được thực hiện vào ngày 12/9/2022 là trước khi Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số: 115/2023/QĐST-DS, ngày 24/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần có hiệu lực pháp luật nên việc tặng cho quyền sử dụng đất không nằm trong thời điểm thi hành án (án có hiệu lực pháp luật) theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định 62/NĐ-CP, ngày 18/7/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật thi hành án dân sự và được sửa đổi bổ sung Nghị định 33/NĐ-CP ngày 17/3/2020: *"Trường hợp tài sản đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp khẩn cấp tạm thời, biện pháp bảo đảm thi hành án, biện pháp cưỡng chế thi hành án mà phát sinh các giao dịch liên quan đến tài sản đó thì tài sản đó bị kê biên, xử lý để thi hành án. Chấp hành viên có văn bản yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đối với tài sản đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đối với tài sản đó."* Cho nên trường hợp trên không thuộc phạm vi điều chỉnh của khoản 2 Điều 75 Luật thi hành án dân sự, tại thời điểm thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử

dụng đất hộ chị L không bị cơ quan có thẩm quyền nào áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp khẩn cấp tạm thời, biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định và hộ chị L có đầy đủ quyền nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 500 Bộ luật Dân sự, hình thức thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất đúng theo quy định pháp luật và đã được đăng ký cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật ngày 22/9/2022 cho đến thời điểm hiện nay thửa đất số 700 đã được cấp giấy chứng nhận cho cá nhân bà Trần Thị P1. Hơn nữa thời điểm chị L tặng quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị P1 thì chị L đã được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối chiếu quy định định tại khoản 1 Điều 179 luật đất đai năm 2013 thì chị L có các quyền của người sử dụng đất, trong đó có quyền tặng cho quyền sử dụng đất theo khoản 1 Điều 188 luật đất đai năm 2013. Từ những nhận định và phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H là có căn cứ, đúng pháp luật nên yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn H là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên xét xử phúc thẩm là phù hợp với quy định pháp luật cũng như nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Nguyễn Văn H không được chấp nhận nên anh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 133/2024/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H về yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được xác lập ngày 12/9/2022 giữa chị Thạch Thị Diễm L với bà Trần Thị P1 được công chứng tại Văn phòng C có số công chứng 2765, quyển số 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGĐ và yêu cầu xác định quyền sử dụng đất của chị Thạch Thị Diễm L trong thửa đất số 700, tờ bản đồ số 02, tại ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh để yêu cầu Thi hành án.

Về án phí phúc thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006256 ngày 07 tháng 10 năm

2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh anh Nguyễn Văn H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- TAND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS H. Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thành